

Số: /NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh,
quốc phòng và thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 17

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Xét các báo cáo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Tòa án nhân dân
Thành phố, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố; báo cáo thẩm tra của các Ban
Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố;
ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,
dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và thông qua nhiệm vụ trọng tâm 6
tháng cuối năm 2024 của thành phố Hà Nội như các báo cáo của Ủy ban nhân
dân Thành phố và các cơ quan trình Hội đồng nhân dân Thành phố.

Hội đồng nhân dân Thành phố nhấn mạnh, 6 tháng cuối năm 2024, tình
hình kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, các cấp, ngành, doanh nghiệp và Nhân
dân Thủ đô phấn đấu cao nhất để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024,
trọng tâm là tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ phục hồi
và phát triển kinh tế - xã hội. Cùng với thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã đề
ra từ đầu năm, Hội đồng nhân dân nhấn mạnh một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Bảo đảm tăng trưởng ổn định kinh tế Thủ đô; Kiểm soát lạm phát; Thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới

a) Đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế. Tiếp tục thực hiện quyết liệt,
hiệu quả chính sách của Trung ương về miễn, giảm lãi suất, giãn, hoãn, cơ cấu
lại nợ và miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất để tháo gỡ khó khăn
cho sản xuất kinh doanh.

Tăng cường kỷ luật tài chính – ngân sách; Triển khai công tác đầu giá tại
các quận huyện thị xã đảm bảo đúng tiến độ, kế hoạch. Thực hiện các giải pháp
tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, nâng cao chất lượng tín dụng, kiểm soát
và xử lý nợ xấu. Cân đối nguồn vốn, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất
kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ. Đẩy mạnh thực

hiện Chương trình tín dụng 120.000 tỷ đồng cho vay ưu đãi phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo xây dựng lại chung cư theo Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/3/2023 của Chính phủ; chương trình tín dụng 15.000 tỷ đồng cho lĩnh vực lâm sản, thủy sản.

Kiểm soát tốt giá cả, thị trường; Đẩy mạnh công tác quản lý, kiểm tra giám sát, thực hiện quy định về hóa đơn điện tử kết nối với cơ quan thuế thông qua chuyển đổi số đối với hoạt động bán lẻ xăng dầu. Cung cấp điện an toàn, ổn định cho sản xuất và sinh hoạt trong mùa cao điểm nắng nóng. Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương hoàn thành công tác triển khai lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia (Tổng sơ đồ VIII).

b) Quyết liệt đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 và kế hoạch trung hạn 2021-2025

Rà soát, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công bám sát thực tiễn nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án hạ tầng quan trọng, trọng điểm. Thực hiện điều chuyển vốn từ các dự án chậm hoàn thiện thủ tục đầu tư, các dự án chậm triển khai, giải ngân, không khắc phục được các vướng mắc sang các dự án có khả năng thực hiện, hấp thụ vốn tốt hơn.

Tập trung tháo gỡ khó khăn tối đa cho các dự án ODA, dự án vốn đầu tư nước ngoài, đầu tư ngoài ngân sách nhằm đẩy mạnh kích cầu đầu tư.

c) Tăng cường xúc tiến thương mại, thúc đẩy xuất khẩu, khai thác thị trường tiềm năng

Nâng cao hiệu quả xúc tiến thương mại, đa dạng hóa thị trường, sản phẩm, chuỗi cung ứng xuất khẩu; tận dụng tốt cơ hội của các hiệp định thương mại tự do để đẩy mạnh ký kết các hợp đồng xuất khẩu; phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu 4-5%.

Đẩy mạnh hoạt động phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; Kết hợp chặt chẽ giữa thương mại truyền thống với hiện đại, khai thác hiệu quả thị trường nội địa còn nhiều tiềm năng. Tăng cường tổ chức hoạt động liên kết vùng, quảng bá, kết nối giữa thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố. Phát triển các điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP gắn với các địa điểm kinh doanh, du lịch làng nghề, du lịch nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Tập trung thực hiện hiệu quả, thực chất cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Thúc đẩy phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, các ngành, lĩnh vực mới nổi, mô hình kinh doanh mới.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp tái cơ cấu sản xuất, kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, trong đó chú trọng sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, sản phẩm công nghiệp chủ lực; đẩy mạnh lưu thông các sản phẩm hàng hoá của Hà Nội, nhất là sản phẩm OCOP. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Aeon Mall quận Hoàng Mai, các thủ tục đầu tư TTTM Aeon Mall quận Bắc Từ Liêm. Phát triển mạng lưới kinh doanh thương mại hiện đại khu vực ngoại thành. Phát triển mạnh thương mại điện tử, thanh toán trực tuyến, không dùng tiền mặt.

Xây dựng, triển khai đề án phát triển sản phẩm du lịch đường sông kết nối các điểm đến du lịch dọc khu vực sông Hồng, hoàn thiện tuyến du lịch Chương Dương Độ - Bát Tràng - Đền thờ Chủ Đồng Tử. Phát triển sản phẩm du lịch trải nghiệm mới gắn với di sản - di tích, làng nghề theo tuyến Trung tâm Hà Nội - Thanh Trì - Thường Tín - Phú Xuyên; tuyến Trung tâm Hà Nội - Thanh Oai - Ứng Hoà - Mỹ Đức. Đẩy mạnh hợp tác với các tỉnh thành phố phát triển tuyến, sản phẩm du lịch liên kết theo từng nhóm sản phẩm thế mạnh, có tính bổ trợ lẫn nhau. Đẩy mạnh triển khai kế hoạch xúc tiến du lịch tại các thị trường trong nước và quốc tế theo hướng chuyên nghiệp, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm.

Hoàn thành Chương trình chỉnh trang, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố đến năm 2030. Đẩy nhanh tiến độ khởi công, đầu tư hạ tầng kỹ thuật công nghiệp để thu hút doanh nghiệp vào đầu tư, sản xuất kinh doanh. Tăng cường công tác xúc tiến, thu hút đầu tư nước ngoài và trong nước vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ tại các khu, cụm công nghiệp, trong đó ưu tiên các dự án ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường; tập trung vào các ngành công nghiệp bán dẫn.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp cơ cấu lại nội ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới, nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Hoàn thành kế hoạch vụ Mùa và vụ Đông, tích cực áp dụng các tiến bộ kỹ thuật để đạt năng suất và hiệu quả kinh tế cao. Mở rộng diện tích sản xuất rau an toàn, sản xuất rau theo VietGAP, rau hữu cơ. Triển khai hiệu quả Chương trình OCOP năm 2024, phấn đấu hết năm 2024 đánh giá phân hạng khoảng 400 sản phẩm OCOP. Trình Thủ tướng Chính phủ công nhận ít nhất 04 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; quyết định công nhận ít nhất 40 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 35 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024.

Phát triển loại hình kinh tế đêm thông qua các loại hình dịch vụ văn hóa, vui chơi, giải trí... Thúc đẩy phát triển kinh tế số, thực hiện hiệu quả Chương trình chuyển đổi số thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Khuyến khích doanh nghiệp đẩy mạnh sử dụng các dịch vụ số trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ... Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế chính sách thể chế phục vụ cho phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn liền với phát triển công nghệ, kinh tế số và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Đẩy mạnh phát triển hạ tầng, ứng dụng phục vụ chuyển đổi số. Ban hành Chiến lược dữ liệu thành phố Hà Nội đến năm 2030; điều chỉnh, bổ sung danh mục cơ sở dữ liệu của Thành phố.

3. Xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực phát triển KTXH

Giao UBND Thành phố ban hành và chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thủ đô (sửa đổi) ngay sau khi Quốc hội thông qua; phối hợp các bộ, ngành Trung ương tham mưu dự thảo các nghị định, nghị quyết, quyết định hướng dẫn thực hiện để Luật sớm đi vào cuộc sống.

Các sở ngành theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện rà soát, xác định các nhiệm vụ được điều chỉnh (tăng thêm, giảm đi) của cấp Thành phố, cấp huyện,

cấp xã theo quy định của Luật Thủ đô (sửa đổi) được ban hành, chủ trì tham mưu: UBND Thành phố ban hành quyết định hoặc UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành nghị quyết quy định phân cấp của từng ngành, lĩnh vực đảm bảo đồng bộ, đầy đủ theo chuyên ngành và đồng bộ, đầy đủ cho cấp huyện, cho cấp xã theo quy định trong quý IV/2024; Văn bản ủy quyền của UBND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố cho các đơn vị, cá nhân theo quy định của pháp luật đối với các lĩnh vực phụ trách.

Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương nghiên cứu, xây dựng đề án thí điểm các cơ chế, chính sách liên kết vùng, tạo đột phá để tiếp tục phát triển Vùng đồng bằng sông Hồng, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và Vùng Thủ đô Hà Nội.

Thực hiện công bố Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 và Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 và triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện 02 quy hoạch ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trong đó, đặc biệt chú trọng các giải pháp cụ thể và tiến độ thực hiện các quy hoạch, nhất là việc ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức làm căn cứ để thực hiện, danh mục các dự án để kêu gọi nhà đầu tư trong và ngoài nước...

Hoàn thiện các quy định về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất; hoàn thiện cơ chế xác định giá đất, cơ chế chính sách về tài chính về đất đai; các quy định pháp luật có liên quan đến thị trường bất động sản; quản lý, sử dụng đất nông nghiệp; tập trung giải quyết cơ bản những hạn chế, khuyết điểm, vướng mắc kéo dài liên quan đến việc quản lý và sử dụng đất.

4. Thúc đẩy phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị; nâng cao hiệu quả và chất lượng quản lý nhà nước về quy hoạch, đất đai, đô thị và bảo vệ môi trường

Đẩy nhanh tiến độ các công trình hạ tầng giao thông quan trọng. Đưa vào vận hành khai thác đường sắt đô thị trên cao Nhổn - Ga Hà Nội,

Hoàn thành Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Hoàn thiện Quy chế quản lý kiến trúc thành phố Hà Nội; Chương trình phát triển đô thị; Đề án phân loại đô thị; Phê duyệt Quy hoạch phân khu đô thị vệ tinh, Quy hoạch xây dựng vùng huyện trên địa bàn Thành phố; Lập danh mục công trình kiến trúc có giá trị xây dựng trước năm 1954.

Kiểm tra tiến độ; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các Dự án cấp nước sạch trên địa bàn Thành phố. Đảm bảo duy trì và vận hành ổn định hệ thống thoát nước và các nhà máy/trạm xử lý nước thải hiện có của Thành phố. Đầu tư Dự án đầu tư xây dựng chống úng ngập cục bộ cho các quận nội đô và một số huyện ven đô.

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Quyết định số 5440/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND Thành phố về việc ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển

thành phố Hà Nội quản lý nguồn vốn và hoạt động của quỹ phát triển đất. Ban hành Kế hoạch phát triển nhà ở 2025 và điều chỉnh Chương trình Phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025; Hoàn thiện Đề án nghiên cứu đầu tư xây dựng nhà ở xã hội phục vụ tái định cư trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030. Nghiên cứu, ban hành quy định chi tiết một số nội dung thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố về quản lý, sử dụng nhà ở cũ thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn Thành phố (thay thế Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của UBND Thành phố) sau khi Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra công tác quản lý, sử dụng đất đai; Tiếp tục hoàn thiện bổ sung Kế hoạch sử dụng đất; Danh mục thu hồi đất, danh mục chuyển mục đích đất trồng lúa năm 2024.

Thay thế và loại bỏ toàn bộ việc sử dụng than tổ ong; Hoàn thành xây dựng Đề án phục hồi chất lượng môi trường và phát triển hệ thống 04 sông nội đô Tô Lịch, Kim Ngưu, Lừ, Sét; Triển khai Kế hoạch kiểm soát ô nhiễm, xử lý ô nhiễm nguồn nước hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải và Đề án bảo vệ môi trường làng nghề.

Xây dựng Đề án triển khai các cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng và quy định quản lý chất thải rắn xây dựng; Điều chỉnh giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp công thường trên địa bàn thành phố Hà Nội tại Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016; Hoàn thành Bộ đơn giá sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính, bản đồ địa hình.

5. Phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội; nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ.

Tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày lễ lớn trong năm của đất nước và Thủ đô; đặc biệt các hoạt động kỷ niệm 70 năm Ngày giải phóng Thủ đô (10/10/1954-10/10/2024). Hoàn thiện Kế hoạch thực hiện các sáng kiến gia nhập Mạng lưới các Thành phố Sáng tạo của UNESCO, giai đoạn 2024-2028. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, phát triển thể thao thành tích cao.

Chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức kỳ thi thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2024-2025 và tuyển sinh các lớp đầu cấp mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2024-2025, kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024. Rà soát, sắp xếp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đáp ứng quy định; Hoàn thành chỉ tiêu công nhận mới trường đạt chuẩn quốc gia năm 2024 (114 trường).

Thực hiện tốt phòng, chống dịch bệnh; nâng cao năng lực của hệ thống y tế, nhất là y tế cơ sở; Đảm bảo an sinh xã hội; thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người có công với cách mạng, trợ giúp xã hội; tổ chức các hoạt động kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7/2023). Tiếp tục phát triển thị trường lao động, định hướng đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm cho người lao động khi bị mất việc làm. Triển khai xây sửa nhà hộ nghèo, cận nghèo tại một số huyện, thị xã thiết thực chào mừng kỷ niệm 70 năm Ngày Giải phóng Thủ đô 10/10.

Đưa vào vận hành Sàn giao dịch công nghệ Hà Nội. Tổ chức các hội nghị ba nhà: Nhà quản lý - nhà khoa học - doanh nghiệp, các chợ công nghệ và thiết bị, các hội thảo khoa học, các buổi trình diễn, giới thiệu công nghệ mới, tổ chức các cuộc thi ý tưởng sáng tạo trong giải quyết các vấn đề cấp bách trên địa bàn thành phố, công bố kết quả nghiên cứu trên các phương tiện thông tin đại chúng; Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có công nghệ mới được công bố, trình diễn, giới thiệu, tham gia chợ, hội chợ công nghệ trong nước, ngoài nước.

6. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính (CCHC), sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; Thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí

Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ, kiện toàn tổ chức bộ máy một số cơ quan, đơn vị ở quận, huyện, thị xã và các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện thí điểm một số mô hình tổ chức bộ máy mới. Hoàn thành Đề án vị trí việc làm của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND các quận, huyện, thị xã; triển khai thực hiện Đề án sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2023-2025 của thành phố Hà Nội.

Ban hành Bộ chỉ số CCHC của các Sở, cơ quan tương đương Sở và UBND các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội giai đoạn 2024 – 2030 và Khung Chỉ số CCHC áp dụng đối với các phòng chuyên môn và tương đương thuộc UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc Thành phố; Kế hoạch khắc phục, cải thiện Chỉ số: CCHC, SIPAS, CPI... Xây dựng hướng dẫn chấm điểm chỉ số CCHC trong nội bộ Thành phố năm 2024; đánh giá hiệu quả, xem xét sửa đổi, bổ sung Khung chỉ số CCHC đối với các phòng chuyên môn và tương đương thuộc UBND cấp huyện; UBND các xã, phường, thị trấn

Đẩy nhanh tiến độ, kết thúc điều tra, truy tố để đưa ra xét xử các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực; tập trung giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án, đất đai trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án.

7. Duy trì tốt công tác đối ngoại

Tổ chức các hoạt động đối ngoại có chọn lọc và ưu tiên, phù hợp với thế mạnh của đối tác và tiềm năng, nhu cầu của Thành phố cũng như nguồn lực có hạn trong tình hình mới nhằm duy trì tích cực các cam kết quốc tế đã thiết lập, tranh thủ điều kiện thuận lợi để tăng cường hiệu quả, làm sâu sắc hơn các mối quan hệ song phương và đa phương giữa thành phố Hà Nội với các thành phố/địa phương trên thế giới và các tổ chức quốc tế, tranh thủ nguồn lực của các đối tác để phục vụ hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô trong năm 2024.

Tiếp tục đàm phán ký kết thỏa thuận quốc tế với các đối tác lớn: thành phố St. Petersburg (Nga), thành phố Rome (Italia); thành phố Los Angeles (Hoa Kỳ); thành phố Caracas (Venezuela); tỉnh Gyeonggi, Hàn Quốc; tỉnh Kanagawa, Nhật Bản; tỉnh Fukuoka, Nhật Bản..

Chú trọng các hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, xúc tiến đầu tư, thương mại. Thực hiện tốt các nội dung, chương trình hợp tác với các tỉnh, thành phố trong cả nước.

8. Tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn xã hội; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với nhà trọ và các loại hình cơ sở có nguy cơ cháy nổ cao

Xây dựng và thực hiện các phương án, kế hoạch bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, sự kiện chính trị, quốc tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại quan trọng, hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đoàn khách quốc tế đến Việt Nam diễn ra trên địa bàn Thủ đô.

Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, hướng dẫn kiến thức, kỹ năng phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, các điều kiện an toàn cháy, nổ cho người dân và các cơ sở có nguy cơ cháy, nổ cao trên địa bàn; kiểm tra giám sát các cơ sở hoạt động kinh doanh dưới mô hình nhà trọ, chung cư mini,... các loại hình cơ sở có nguy cơ cháy nổ cao về thực hiện quy định phòng cháy chữa cháy.

9. Đảm bảo quốc phòng, an ninh

Xây dựng, triển khai kế hoạch sẵn sàng chiến đấu bảo vệ dịp kỷ niệm 70 năm Giải phóng Thủ đô; Lễ kỷ niệm Cách mạng Tháng tám, Quốc khánh 02/9; 80 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/2024) và 35 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân (22/12/1989 - 22/12/2024). Tổ chức hiệu quả các hoạt động Kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam và 35 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân.

Xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ thành phố Hà Nội năm 2024 và chỉ đạo diễn tập cấp 2 cùng với thành phố đối với 03 huyện (Chương Mỹ, Quốc Oai, Thạch Thất); Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, đền ơn đáp nghĩa, giáo dục quốc phòng - an ninh, đối ngoại quân sự...

10. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông, dân vận tạo đồng thuận xã hội

Ngăn chặn kịp thời thông tin xấu, độc, sai sự thật, xuyên tạc, nhất là trên không gian mạng. Làm tốt công tác dân vận, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân, nhất là trong công tác giám sát, phản biện, góp phần tạo đồng thuận xã hội.

Thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các cơ quan: UBND Thành phố, Thường trực HĐND, Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố, Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội thực hiện tốt các nhiệm vụ phục hồi và phát triển KTXH.

11. Chuẩn bị văn kiện Đại hội Đảng bộ thành phố khóa 18 nhiệm kỳ 2025-2030; công tác xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025; Kế hoạch tài chính, ngân sách năm 2025 và 3 năm 2025-2027; Kế hoạch đầu tư công năm 2025 và 5 năm 2026-2030 đảm bảo chất lượng.

Điều 2. Tán thành những nhiệm vụ, giải pháp điều hành ngân sách những tháng cuối năm 2024 do UBND Thành phố trình và nhấn mạnh một số nội dung sau:

1. Tiếp tục tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, pháp luật cho doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp phát triển ổn định, vững chắc, phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh trong tình hình kinh tế - xã hội thế giới dự báo trong 06 tháng cuối năm 2024 sẽ còn diễn biến phức tạp. Kịp thời triển khai ngay các cơ chế, chính sách mới được Quốc hội, Chính phủ ban hành để hỗ trợ doanh nghiệp ổn định sản xuất, kinh doanh; giải quyết việc làm và tạo thêm việc làm mới, góp phần phục hồi tăng trưởng đưa nền kinh tế vượt qua khó khăn thách thức trước sự biến động khó lường của các quốc gia trên thế giới hiện nay. Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cấp, các ngành trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng; kịp thời đề xuất, xử lý các vấn đề phát sinh, đồng thời triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trong trung, dài hạn để thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

2. Tăng cường hiệu quả công tác quản lý hộ kinh doanh; tập trung rà soát thu, đôn đốc các hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp đầy đủ, kịp thời số thuế phải nộp vào ngân sách. Đôn đốc thu đối với số thuế được gia hạn đến hạn phải nộp vào ngân sách nhà nước, thu hồi nợ đọng thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. Thực hiện công tác hoàn thuế đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng và theo đúng quy định. Tăng cường công tác thanh tra thuế, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hồ sơ khai thuế, hoàn thuế, phát hiện, xử lý kịp thời gian lận thuế, hóa đơn, tập trung vào các lĩnh vực rủi ro cao về thuế như: kinh doanh qua mạng, thương mại điện tử, các doanh nghiệp có giao dịch liên kết, chuyển nhượng vốn, doanh nghiệp kinh doanh lỗ nhiều năm liên tục có dấu hiệu chuyển giá... Đẩy mạnh chuyển đổi số, điện tử hóa trong quản lý thuế, hiện đại hóa quản lý thu ở tất cả các khâu như quản lý đăng ký, kê khai, nộp thuế, hoàn thuế điện tử, thực hiện phân tích rủi ro, quản lý nợ đọng thuế. Tập trung đẩy nhanh công tác thẩm định, xác định giá đất cụ thể đối với các dự án đã có quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; đẩy nhanh tiến độ tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất đối với các dự án đủ điều kiện tổ chức đấu giá; kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất, xác định giá đất, nghĩa vụ tài chính đất đai, góp phần giảm bớt chi phí, thời gian và tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp.

Tập trung thực hiện việc tái cấu trúc, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, đẩy mạnh công tác cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp theo Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 – 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. UBND các cấp quản lý, điều hành đảm bảo cân đối ngân sách địa phương các cấp, tổ chức thực hiện chi ngân sách nhà nước theo dự toán được giao, khả năng thu ngân sách và tiến độ thực hiện một số nguồn thu gắn với dự toán chi đầu tư phát triển. Tiếp tục thực hiện các biện pháp hữu hiệu, cơ cấu lại thu, chi NSNN theo hướng cân đối hợp lý nguồn thu từ thuế, phí cho chi thường xuyên, góp phần tích lũy nguồn lực cho chi đầu tư phát triển, quản lý chặt chẽ chi NSNN, chỉ ban hành chính sách làm tăng chi NSNN khi có nguồn đảm bảo.

Rà soát, sắp xếp, điều chỉnh dự toán chi theo quy định; chủ động cắt giảm các khoản chi chưa thực sự cần thiết và khi nguồn thu dự kiến không đạt dự toán; giảm các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi công tác trong nước, nghiên cứu, khảo sát nước ngoài để dành nguồn lực cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thực hiện các nhiệm vụ chi an sinh xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương khóa XII. Các sở, ngành Thành phố và các quận, huyện, thị xã bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn ngân sách nhà nước được phân bổ; chủ động sắp xếp, xử lý để triển khai các nhiệm vụ được giao phát sinh trong năm dự toán; hạn chế tối đa bổ sung ngoài dự toán được giao, hủy dự toán hoặc chuyển nguồn sang năm sau. Đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản công theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, bảo đảm tiết kiệm. Tổ chức rà soát, sắp xếp lại tài sản công bảo đảm sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức theo chế độ quy định và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; đẩy mạnh việc xử lý tài sản không còn nhu cầu sử dụng đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch; kiên quyết thu hồi các tài sản sử dụng sai đối tượng, sai mục đích, vượt tiêu chuẩn, định mức; không để lãng phí thất thoát tài sản công.

Tập trung chỉ đạo hoàn thành định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá đảm bảo đúng hoặc sớm hơn so với lộ trình tại Quyết định số 5645/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của UBND Thành phố,... Tiếp tục triển khai tích cực, có hiệu quả Kế hoạch số 189/KH-UBND ngày 06/7/2022 của UBND Thành phố về việc triển khai thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hà Nội sang tự chủ tài chính năm 2021 và giai đoạn 2022-2025, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu từng năm và cả giai đoạn; Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 06/6/2023 của UBND Thành phố về sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025; Đề án quản lý, sử dụng và khai thác hiệu quả tài sản công của thành phố Hà Nội giai đoạn 2023-2025, định hướng giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 20/5/2024 của UBND Thành phố triển khai Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội.

Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, chấn chỉnh, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính - ngân sách nhà nước, đầu tư công, tài sản công, quản lý giá và thẩm định giá; tăng cường công tác quyết toán, kiểm toán, thanh tra, kiểm tra, giám sát, công khai, minh bạch; thực hiện đầy đủ, kịp thời các kiến nghị, kết luận của cơ quan Kiểm toán Nhà nước, thanh tra theo Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 26/7/2023 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc chấn chỉnh, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong việc chấp hành pháp luật về tài chính - ngân sách nhà nước. Thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện nghiêm Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2024 của

Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 13/3/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố về tăng cường tiết kiệm chi ngân sách nhà nước.

Điều 3. Tán thành với đề xuất của UBND Thành phố về các nội dung:

1. Cho phép các quận, huyện: Hoàng Mai, Gia Lâm được sử dụng 2.100.000 triệu đồng từ nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách quận, huyện để chi đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 theo quy định tại Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính – ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội, cụ thể:

- Quận Hoàng Mai: 1.600.000 triệu đồng.
- Huyện Gia Lâm: 500.000 triệu đồng.

2. Thống nhất điều chỉnh một số khoản dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp Thành phố năm 2024 tại Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND Thành phố về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2024.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01, 02 đính kèm)

3. Thống nhất phương án phân bổ dự toán kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia (vốn sự nghiệp) và kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ (nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố) năm 2024.

(Chi tiết tại Phụ lục số 03, 04 đính kèm)

4. Thống nhất với đề xuất của UBND Thành phố cho phép Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội thực hiện chi trả thù lao tư vấn kỹ thuật theo thỏa thuận cho chuyên gia tư vấn quốc tế của UNESCO (thông qua hợp đồng tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật với Hội đồng Di tích và Di chỉ quốc tế (ICOMOS)), chi trả thù lao theo thỏa thuận cho chuyên gia độc lập tư vấn xây dựng hồ sơ tầm nhìn cho trục chính tâm khu di sản Hoàng Thành Thăng Long (dự kiến thực hiện vào tháng 11/2024).

5. Thống nhất với đề xuất giao UBND Thành phố quyết định việc hỗ trợ theo thực tế và triển khai thực hiện đối với các nội dung hỗ trợ: (1) Hỗ trợ học viên tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ của Thủ đô Viên Chăn, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào năm 2024; (2) Hỗ trợ cán bộ, giáo viên dạy nghề Thủ đô Viên Chăn, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào giai đoạn 2024-2025; (3) Hỗ trợ kinh phí đào tạo, chi sinh hoạt phí, chi hỗ trợ trang cấp ban đầu, chi phí đi lại cho học sinh là cán bộ và con em lãnh đạo các tỉnh Bắc Lào từ 01/01/2024; HĐND Thành phố giao UBND Thành phố quyết định việc hỗ trợ theo thực tế và triển khai thực hiện.

6. Thống nhất nguyên tắc và cơ chế cho phép:

- Sở Xây dựng thanh toán toàn bộ kinh phí cấp điện hệ thống chiếu sáng công cộng trên địa bàn các quận, bao gồm cả các trạm đèn chung lưới đường phố - ngõ ngách và trạm đèn ngõ xóm độc lập trong 02 năm 2023 và 2024.

- Đối với nguồn kinh phí cấp điện chiếu sáng ngõ, ngách đã bố trí trong cân đối ngân sách các quận năm 2023 và 2024: Cho phép để lại nguồn kinh phí ngân sách cấp Thành phố đã bố trí trong dự toán năm 2023, 2024 cho các quận để bổ sung nguồn kinh phí thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống chiếu sáng ngõ, ngách theo phân cấp.

7. Thống nhất điều chỉnh số liệu tổng quyết toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2022 đã được HĐND Thành phố phê chuẩn tại Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 08/12/2023.

(Chi tiết tại các Phụ lục số 05 đến 09 đính kèm)

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết; phân công rõ trách nhiệm các cơ quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong 6 tháng cuối năm 2024 để hoàn thành mức cao nhất các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2024 theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân Thành phố.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp phát sinh các nội dung, cơ chế thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố, giao Ủy ban nhân dân Thành phố thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố trước khi tổ chức thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố tham gia giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo chức năng, nhiệm vụ quy định.

Hội đồng nhân dân Thành phố kêu gọi các tầng lớp nhân dân, các lực lượng vũ trang, các cấp, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, xã hội, xã hội nghề nghiệp nỗ lực phấn đấu thi đua hoàn thành thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, thu chi ngân sách năm 2024 của thành phố Hà Nội.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVI, Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày tháng năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Các bộ, ngành Trung ương;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ TP;
- Đại biểu HĐND TP; các Ban HĐND Thành phố;
- Các Ban Đảng Thành ủy, VP Thành ủy;
- Các VP: Đoàn ĐBQH& HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành TP;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Trung tâm Báo chí Thủ đô Hà Nội, Công báo TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN MỘT SỐ KHOẢN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2024 của HĐND thành phố Hà Nội)

STT	Nội Dung	Dự toán đã giao (bao gồm cả số đã bổ sung trong năm)											Dự toán sau điều chỉnh											Tăng/Giảm		
		Tổng số	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi quản lý hành chính	Chi quốc phòng	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp bảo đảm xã hội	Chi sự nghiệp khác	Tổng số	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi quản lý hành chính	Chi quốc phòng	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp bảo đảm xã hội	Chi sự nghiệp khác	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Tổng điều chỉnh tăng/giảm
	TỔNG CỘNG	1.682.965	542.964	49.287	241.973	11.200	5.000	50.000	10.000	383.831	28.710	360.000	1.682.965	495.327	49.287	266.973	36.254	5.000	117.930	5.000	378.474	35.720	293.000	257.010	-257.010	0
I	Kinh phí điều hành tập trung, chương trình MTQG và NSTW bổ sung mục tiêu	833.577	340.000	0	0	0	5.000	50.000	10.000	68.577	0	360.000	762.673	261.713	0	13.000	0	5.000	117.930	5.000	67.030	0	293.000	159.730	-230.634	-70.904
1	Kinh phí tổ chức các hoạt động phục vụ các sự kiện chính trị, kỷ niệm ngày lễ lớn, các sự kiện thể thao thuộc trách nhiệm của Thành phố và các nhiệm vụ Trung ương giao	50.000						50.000					110.000						110.000					60.000	0	60.000
2	Kinh phí đào tạo bồi dưỡng	330.000	330.000										256.253	256.253										0	-73.747	-73.747
3	Kinh phí mua xe ô tô	50.000									50.000	120.000										120.000	70.000	0	70.000	
4	Kinh phí chuẩn bị đầu tư, kinh phí thanh quyết toán dự án hoàn thành và kinh phí nhiệm vụ quy hoạch (vốn sự nghiệp)	70.000	10.000				5.000		10.000	35.000		10.000	81.340	5.000		3.000		5.000		5.000	60.340		3.000	11.340	0	11.340
5	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ hợp tác, liên kết với các tỉnh	300.000									300.000	170.000										170.000	0	-130.000	-130.000	
6	Kinh phí thực hiện Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thủ đô (sửa đổi)	0										10.000				10.000							10.000	0	10.000	
7	Kinh phí CTMT quốc gia	33.577								33.577		15.080	460						7.930		6.690		8.390	-26.887	-18.497	
II	Bổ sung dự toán cho cơ quan, đơn vị cấp Thành phố	313.331	40.544	49.287	223.500	0	0	0	0	0	0	0	318.331	40.544	49.287	228.500	0	0	0	0	0	0	5.000	0	5.000	
1	Văn phòng Thành ủy (Kinh phí thực hiện dự án: Sửa chữa nhà 1B, 2A, hội trường 4A trụ sở Thành ủy tại số 219 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội theo Quyết định số 01/QĐ-SXD ngày 03/01/2024 của Sở Xây dựng phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật)	313.331	40.544	49.287	223.500								318.331	40.544	49.287	228.500							5.000	0	5.000	
III	Kinh phí ngân sách cấp Thành phố bổ sung mục tiêu cho ngân sách quận, huyện, thị xã	536.057	162.420	0	18.473	11.200	0	0	0	315.254	28.710	0	601.961	193.070	0	25.473	36.254	0	0	0	311.444	35.720	0	92.280	-26.376	65.904
1	Hỗ trợ kinh phí hoạt động của lực lượng dân quân thường trực	11.200				11.200							27.254				27.254							18.520	-2.466	16.054
2	Hỗ trợ một số chính sách khuyến khích PTNN theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND TPHN	128.680								128.680			113.870							113.870				9.100	-23.910	-14.810
3	Hỗ trợ nhà ở hộ nghèo	28.710									28.710		35.720									35.720		7.010	0	7.010
4	Hỗ trợ sửa chữa các công trình từ nguồn vốn sự nghiệp cho các huyện, thị xã	360.767	162.420		18.473					179.874			367.767	162.420		25.473				179.874				7.000	0	7.000
5	Kinh phí rà soát hiện trạng, thiết kế và cắm mốc băng cho các khu rừng	6.700								6.700			17.700							17.700				11.000	0	11.000
6	Hỗ trợ kinh phí diễn tập phòng thủ cấp huyện	0											9.000				9.000						9.000	0	9.000	
7	Kinh phí đảm bảo chi khác (tối thiểu) lĩnh vực sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0											30.650	30.650									30.650	0	30.650	

BIỂU TÔNG HỢP KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KINH PHÍ BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ CHO NGÂN SÁCH QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2024 của HĐND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Quận, huyện, thị xã	Tổng cộng				Kinh phí hoạt động của lực lượng dân quân thường trực				Kinh phí rà soát hiện trạng, thiết kế và cắm mốc bảng cho các khu rừng				Hỗ trợ một số chính sách khuyến khích PTNN theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND TPHN				Kinh phí diễn tập phòng thủ				Hỗ trợ nhà ở hộ nghèo				Kinh phí đảm bảo chi khác (tối thiểu) lĩnh vực sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề				Hỗ trợ sửa chữa các công trình từ nguồn vốn sự nghiệp cho các huyện, thị xã			
		Dự toán giao đầu năm	Dự toán đề nghị bổ sung	Dự toán đề nghị điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung	Dự toán giao đầu năm	Dự toán đề nghị bổ sung	Dự toán đề nghị điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung	Dự toán giao đầu năm	Dự toán đề nghị bổ sung	Dự toán đề nghị điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung	Dự toán giao đầu năm	Dự toán đề nghị bổ sung	Dự toán đề nghị điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung	Dự toán giao đầu năm	Dự toán đề nghị bổ sung	Dự toán đề nghị điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung	Dự toán giao đầu năm	Dự toán đề nghị bổ sung	Dự toán đề nghị điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung	Dự toán giao đầu năm	Dự toán đề nghị bổ sung	Dự toán đề nghị điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung	Dự toán giao đầu năm	Dự toán đề nghị bổ sung	Dự toán đề nghị điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=7+8-9	11	12	13	14=11+12-13	15	16	17	18=15+16-17	19	20	21	22=19+20-21	23	24	25	26=23+24-25	27	28	29	30=27+28-29	31	32	33	34=31+32-33
	Tổng cộng	536 057	92 280	26 376	601 961	11 200	18 520	2 466	27 254	6 700	11 000		17 700	128 680	9 100	23 910	113 870		9 000		9 000	28 710	7 010		35 720		30 650		30 650	360 767	7 000		367 767
1	Hoàn Kiếm																																
2	Ba Đình																																
3	Đống Đa		1 600		1 600		1 600		1 600																								
4	Hai Bà Trưng																																
5	Thanh Xuân																																
6	Tây Hồ																																
7	Cầu Giấy																																
8	Hoàng Mai		930		930		930		930																								
9	Long Biên		1 200		1 200		1 200		1 200																								
10	Hà Đông		800		800		800		800																								
11	Nam Từ Liêm		1 400		1 400		1 400		1 400																								
12	Bắc Từ Liêm																																
13	Sơn Tây	22 410	2 530		24 940	800	130		930	800	2 400		3 200	1 200			1 200					1 370			1 370					18 240			18 240
14	Thanh Trì	17 840	600		18 440		600		600																					17 840			17 840
15	Gia Lâm	17 510	3 400		20 910		3 400		3 400					2 230			2 230					110			110					15 170			15 170
16	Sóc Sơn	28 550	12 500	7 280	33 770		2 200		2 200		2 700		2 700	13 070		7 280	5 790					1 160			1 160	7 600		7 600	14 320			14 320	
17	Đông Anh	39 060		15 400	23 660									16 800		15 400	1 400					1 360			1 360				20 900			20 900	
18	Mê Linh	27 510		800	26 710	1 600		800	800					7 600			7 600					2 450			2 450				15 860			15 860	
19	Quốc Oai	32 114	12 900		45 014		800		800	5 900			5 900		9 100		9 100	3 000		3 000		810			810				25 404			25 404	
20	Chương Mỹ	31 710	4 600		36 310		1 600		1 600					5 200			5 200	3 000		3 000		3 790			3 790				22 720			22 720	
21	Thanh Oai	58 800	530		59 330		530		530					30 990			30 990					1 090			1 090				26 720			26 720	
22	Ứng Hoà	42 750	530		43 280		530		530					15 000			15 000					1 860			1 860				25 890			25 890	
23	Mỹ Đức	36 300	8 430		44 730		530		530		900		900	13 640			13 640					4 540			4 540				18 120	7 000		25 120	
24	Thường Tín	13 950	1 630	1 763	13 817	1 600		533	1 067					1 350		1 230	120					1 630			1 630				11 000			11 000	
25	Phủ Xuyên	49 253	23 050	933	71 370	4 800		933	3 867					12 100			12 100					2 600			2 600	23 050		23 050	29 753			29 753	
26	Ba Vì	28 090	5 380	200	33 270	800		200	600					2 100			2 100					2 120	5 380		7 500				23 070			23 070	
27	Phúc Thọ	36 120	270		36 390	1 600	270		1 870					3 300			3 300					2 540			2 540				28 680			28 680	
28	Thạch Thất	16 760	8 000		24 760						5 000		5 000	4 100			4 100		3 000		3 000		260			260			12 400			12 400	
29	Đan Phượng	17 840	670		18 510		670		670													1 860			1 860				15 980			15 980	
30	Hoài Đức	19 490	1 330		20 820		1 330		1 330													790			790				18 700			18 700	

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
(VỐN SỰ NGHIỆP) NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số

/NQ-HĐND ngày

/7/2024 của HĐND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024
	Tổng số	14.580
I	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6.190
*	Chi sự nghiệp kinh tế	6.190
	b/ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.190
-	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	2.035
	Dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo để triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn thành phố Hà Nội	2.035
-	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	4.155
	Dự án phát triển sản xuất nông, lâm, nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh vùng để phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	4.155
II	Huyện Ba Vì	8.390
*	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	460
	b/ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	460
-	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	460
	Đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ nữ vùng dân tộc 07 xã miền núi	460
*	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	7.930
	b/ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.930
-	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	7.930
	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thông tin tuyên truyền trên địa bàn 07 xã miền núi	7.930

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN KINH PHÍ QUẢN LÝ, BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ (NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU)
NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số

/NQ-HĐND ngày

/7/2024 của HĐND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024
	Tổng số	267.453
1	Sở Giao thông vận tải	3.000
*	Chi sự nghiệp kinh tế	3.000
-	Sửa chữa đảm bảo giao thông tuyến đường Đại lộ Thăng Long đoạn Km18+000 - Km 20+000 Cao tốc phải	500
-	Sửa chữa đảm bảo giao thông đường 35 đoạn Km0+00 đến Km2+00	500
-	Sửa chữa đảm bảo giao thông đường Chi Đông - Kim Hoa	500
-	Sửa chữa đảm bảo giao thông đường Mê Linh đoạn ngã tư giao đường 23 đến giao đường Đại Thịnh (Làn đi Vĩnh Phúc)	500
-	Sửa chữa đảm bảo giao thông tuyến đường Đại lộ Thăng Long đoạn Km9+000 - Km 11+000 Cao tốc trái	500
-	Sửa chữa đảm bảo giao thông đường 35 đoạn Km14+00 đến Km16+300	500
2	Các huyện, thị xã	264.453
2.1	Dự án chuyển tiếp	126.443
-	Huyện Sóc Sơn	3.630
	Sửa chữa tuyến đường từ đường 35 đi UBND xã Hiền Ninh	3.630
	Huyện Ba Vì	11.052
	Sửa chữa mặt đường và hệ thống tiêu thoát nước đường Phú Mỹ (nối đường QL32 với đường tránh QL32)	4.788
	Sửa chữa mặt đường và hệ thống tiêu thoát nước đường trục nối trng tâm thị trấn Tây Đằng đi nhà văn hoá Cao Nhạng	6.264
-	Huyện Mê Linh	6.843
	Sửa chữa một số tuyến đường giao thông và rãnh thoát nước trên địa bàn các xã, thị trấn Quang Minh, Liên Mạc, Tam Đồng, Văn Khê, huyện Mê Linh (gồm 3 tuyến)	6.843
-	Huyện Phúc Thọ	13.931
	Sửa chữa tuyến đường từ Tỉnh lộ 418 đi trường Tiểu học Vông Xuyên B, trường THCS Vông Xuyên B, xã Vông Xuyên, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	6.979
	Sửa chữa tuyến đường trục xã Ngọc Tảo	6.952
-	Huyện Mỹ Đức	18.675
	Sửa chữa, bảo dưỡng tuyến đường trục huyện từ thị trấn Đại Nghĩa đi xã An Phú (đoạn từ cầu Bãi Giữa đến cầu Ái Nang), huyện Mỹ Đức	7.104
	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường trục huyện thuộc xã An Tiến, huyện Mỹ Đức	7.172
	Sửa chữa, bảo dưỡng tuyến đường từ ngã tư Kênh Đào, xã An Mỹ đi ngã ba Chùa Mễ, xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức	4.399
-	Huyện Thạch Thất	9.693
	Sửa chữa đường từ tỉnh lộ 446 đi Suối Ngọc Vua Bà, xã Tiến Xuân	5.471
	Tuyến đường từ H.13 chùa Tây Phương đi chùa Kim Long, nhà lưu niệm Bác Hồ đi H.14, xã Cấn Kiệm	4.222
-	Huyện Thường Tín	6.974
	Duy tu, sửa chữa các tuyến đường trên địa bàn hai xã xây dựng nông thôn mới nâng cao, xã Tô Hiệu, xã Minh Cường, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	6.974
-	Huyện Ứng Hoà	21.658
	Duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng đường giao thông xã Minh Đức, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	6.831
	Sửa chữa đảm bảo an toàn giao thông đường xã Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	7.472

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024
	Sửa chữa đảm bảo an toàn giao thông đường xã Hoà Lâm, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	7.355
-	Huyện Phú Xuyên	14.484
	Sửa chữa tuyến đường Nam Phong - Nam Triều, huyện Phú Xuyên	7.015
	Sửa chữa tuyến trục xã Tri Thủy, huyện Phú Xuyên	7.469
-	Huyện Chương Mỹ	7.000
	Sửa chữa, bảo dưỡng các tuyến đường giao thông xã Đồng Lạc, huyện Chương Mỹ	4.500
	Sửa chữa, bảo dưỡng các tuyến đường giao thông xã Văn Võ, Trường Yên, huyện Chương Mỹ	2.500
-	Huyện Quốc Oai	12.503
	Sửa chữa tuyến đường ĐH07B đoạn từ cầu Văn Quang đi đường 421B	6.700
	Duy tu, sửa chữa tuyến đường vành đai chùa Thầy và một số tuyến chính trên địa bàn xã Cấn Hữu, xã Cộng Hoà, huyện Quốc Oai	5.803
2.2	Dự án mới	138.010
-	Huyện Ba Vì	15.600
	Sửa chữa mặt đường và hệ thống tiêu thoát nước đường từ tỉnh lộ 413 đi Khu du lịch Đầm Long	7.800
	Sửa chữa mặt đường và hệ thống tiêu thoát nước đường giao thông liên xã Tòng Bạt - Cẩm Lĩnh (đoạn qua xã Cẩm Lĩnh)	7.800
-	Huyện Mê Linh	7.800
	Duy tu, sửa chữa một số tuyến đường giao thông và rãnh thoát nước trên địa bàn các xã Tự Lập, Thanh Lâm, huyện Mê Linh (02 tuyến)	7.800
-	Huyện Phúc Thọ	13.210
	Sửa chữa đường giao thông thôn Cự Đình, Cẩm Đình, Yên Đình, Văn Đình, xã Xuân Đình	7.800
	Sửa chữa đường giao thông thôn 1 xã Sen Phương	5.410
-	Huyện Mỹ Đức	7.800
	Sửa chữa, bảo dưỡng tuyến đường trục từ tỉnh lộ 419 đi Chùa Cao, xã Hồng Sơn	7.800
-	Huyện Thạch Thất	15.600
	Sửa chữa tuyến đường từ H07 đi trung tâm xã Cẩm Yên đi Phúc Thọ; từ H05 đi H06 thôn Lại Khánh, xã Lại Thương	7.800
	Sửa chữa tuyến đường từ đường H.11 đi H.13 UBND xã Cấn Kiệm; H.14 cầu Cấn Kiệm đi đình Phú Đa, xã Cấn Kiệm	7.800
-	Huyện Thường Tín	15.600
	Duy tu, sửa chữa các tuyến đường trên địa bàn xây dựng nông thôn mới nâng cao xã Chương Dương	7.800
	Duy tu, sửa chữa đường trục xã Vân Tảo	7.800
-	Huyện Ứng Hòa	15.600
	Duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng đường giao thông xã Vạn Thái	7.800
	Duy tu, sửa chữa và đảm bảo an toàn giao thông đường trục thôn Hữu Vĩnh, xã Hồng Quang	7.800
-	Huyện Phú Xuyên	15.600
	Sửa chữa, cải tạo đường trục xã Văn Từ	7.800
	Sửa chữa đường trục xã Nam Tiến đi thị trấn Phú Minh và xã Nam Phong	7.800
-	Huyện Chương Mỹ	7.800
	Sửa chữa bảo dưỡng các tuyến đường giao thông xã Hồng Phong	7.800
-	Huyện Quốc Oai	7.800
	Sửa chữa tuyến đường từ đường ĐH03 (Tân Hòa đi Đại Thành) và một số tuyến trục chính trên địa bàn các xã huyện Quốc Oai	7.800
-	TX Sơn Tây	15.600
	Sửa chữa đường, rãnh thoát nước trên địa bàn xã Cổ Đông	7.800
	Sửa chữa đường, rãnh thoát nước trên địa bàn phường Viên Sơn	7.800

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2024 của HĐND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Số liệu Quyết toán đã phê duyệt theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 8/12/2023	Số liệu Quyết toán đề nghị điều chỉnh
		Trung ương giao	HĐND Thành phố giao		
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	311.650.672.000.000	311.650.672.000.000	333.756.332.218.290	333.620.403.605.277
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	288.650.672.000.000	288.650.672.000.000	303.912.099.038.677	303.912.099.038.677
2	Thu từ dầu thô	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000	2.899.942.281.005	2.899.942.281.005
3	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	21.900.000.000.000	21.900.000.000.000	26.318.680.818.487	26.318.680.818.487
4	Thu viện trợ			625.610.080.121	489.681.467.108
B	Thu ngân sách địa phương	103.477.179.000.000	106.477.179.000.000	230.300.845.085.684	230.300.845.085.684
1	Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp	98.939.012.000.000	98.939.012.000.000	91.451.548.969.805	91.451.548.969.805
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	4.538.167.000.000	4.538.167.000.000	6.008.720.054.906	6.008.720.054.906
	- Bổ sung có mục tiêu	4.538.167.000.000	4.538.167.000.000	6.008.720.054.906	6.008.720.054.906
3	Thu kết dư ngân sách năm 2021			21.031.181.723.310	21.031.181.723.310
4	Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2021 sang năm 2022			111.809.394.337.663	111.809.394.337.663
5	Thu từ nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang		3.000.000.000.000		
6	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính				
C	Chi ngân sách địa phương	106.925.879.000.000	106.925.879.000.000	218.948.012.935.560	218.824.876.151.560
I	Chi trong cân đối ngân sách địa phương	106.925.879.000.000	106.925.879.000.000	92.916.443.205.335	92.916.443.205.335
1	Chi đầu tư phát triển	51.582.952.000.000	51.072.952.000.000	44.367.937.154.651	44.367.937.154.651
2	Chi thường xuyên	53.341.899.000.000	53.281.899.000.000	48.177.918.005.840	48.177.918.005.840
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay		510.000.000.000	360.128.044.844	360.128.044.844
4	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	10.460.000.000	10.460.000.000	10.460.000.000	10.460.000.000
5	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL				
6	Dự phòng ngân sách	1.990.568.000.000	2.050.568.000.000		
II	Chi nộp ngân sách cấp Trung ương			38.600.000.000	38.600.000.000
III	Chi chuyển nguồn ngân sách năm 2022 sang năm 2023			125.992.969.730.225	125.869.832.946.225
D	Vay của NSDP	4.355.400.000.000	1.355.400.000.000	1.328.533.350.424	1.328.533.350.424
E	Trả nợ gốc của NSDP	906.700.000.000	906.700.000.000	816.493.881.817	816.493.881.817
F	Kết dư ngân sách địa phương			11.864.871.618.731	11.988.008.402.731

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2024 của HĐND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND Thành phố giao	Số liệu Quyết toán đã phê duyệt theo Nghị quyết số 39/NQ- HĐND ngày 8/12/2023	Số liệu Quyết toán đề nghị điều chỉnh	Tỷ lệ QT/DT
A	Thu NSNN trên địa bàn	314.650.672.000.000	333.756.332.218.290	333.620.403.605.277	106,1%
I	Thu nội địa	291.650.672.000.000	303.912.099.038.677	303.912.099.038.677	104,2%
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý	55.800.000.000.000	53.547.348.718.249	53.547.348.718.249	96,0%
	- Thuế giá trị gia tăng	15.688.000.000.000	17.621.222.884.248	17.621.222.884.248	112,3%
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.900.000.000.000	4.572.700.191.184	4.572.700.191.184	117,2%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.500.000.000.000	29.205.182.552.312	29.205.182.552.312	82,3%
	- Thuế tài nguyên	12.000.000.000.000	42.237.901.570	42.237.901.570	352,0%
	- Thu từ khí và lãi khí được chia	700.000.000.000	2.106.005.188.935	2.106.005.188.935	300,9%
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	2.100.000.000.000	1.960.029.756.665	1.960.029.756.665	93,3%
	- Thuế giá trị gia tăng	965.000.000.000	926.849.746.249	926.849.746.249	96,0%
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	280.000.000.000	327.073.326.568	327.073.326.568	116,8%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	780.000.000.000	631.819.509.065	631.819.509.065	81,0%
	- Thuế tài nguyên	75.000.000.000	74.287.174.783	74.287.174.783	99,0%
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	22.900.000.000.000	24.062.874.420.058	24.062.874.420.058	105,1%
	Thuế giá trị gia tăng	7.000.000.000.000	7.456.539.949.815	7.456.539.949.815	106,5%
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.692.000.000.000	3.186.106.572.855	3.186.106.572.855	118,4%
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.200.000.000.000	13.412.929.084.098	13.412.929.084.098	101,6%
	Thuế tài nguyên	8.000.000.000	7.298.813.290	7.298.813.290	91,2%
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	54.700.000.000.000	63.396.543.174.503	63.396.543.174.503	115,9%
	Thuế giá trị gia tăng	24.786.000.000.000	26.709.220.853.738	26.709.220.853.738	107,8%
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.100.000.000.000	1.195.371.397.593	1.195.371.397.593	108,7%
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.800.000.000.000	35.476.648.461.078	35.476.648.461.078	123,2%
	Thuế tài nguyên	14.000.000.000	15.200.026.766	15.200.026.766	108,6%
	Thu từ khí thiên nhiên và khí than theo hiệp định, hợp đồng				
5	Lệ phí trước bạ	6.500.000.000.000	8.484.841.091.638	8.484.841.091.638	130,5%
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		121.736.509	121.736.509	
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	530.000.000.000	677.130.070.950	677.130.070.950	127,8%
8	Thuế thu nhập cá nhân	28.800.000.000.000	37.550.351.479.762	37.550.351.479.762	130,4%
9	Thuế bảo vệ môi trường	5.500.000.000.000	3.434.245.992.141	3.434.245.992.141	62,4%
10	Thu phí và lệ phí	17.000.000.000.000	18.593.004.876.856	18.593.004.876.856	109,4%
	Phí và lệ phí trung ương	15.850.000.000.000	17.416.235.705.950	17.416.235.705.950	109,9%
	Phí và lệ phí địa phương	1.150.000.000.000	1.176.769.170.906	1.176.769.170.906	102,3%
11	Tiền sử dụng đất	20.000.000.000.000	14.483.799.627.750	14.483.799.627.750	72,4%
12	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	600.000.000.000	535.889.239.097	535.889.239.097	89,3%

STT	Nội dung	Dự toán HĐND Thành phố giao	Số liệu Quyết toán đã phê duyệt theo Nghị quyết số 39/NQ- HĐND ngày 8/12/2023	Số liệu Quyết toán đề nghị điều chỉnh	Tỷ lệ QT/DT
13	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	5.500.000.000.000	5.684.457.261.674	5.684.457.261.674	103,4%
14	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích ... tại xã	130.000.000.000	223.651.013.028	223.651.013.028	172,0%
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	20.000.000.000	26.065.692.335	26.065.692.335	130,3%
16	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	60.820.672.000.000	56.288.975.240.397	56.288.975.240.397	92,5%
17	Thu khác ngân sách	7.320.000.000.000	6.128.373.698.135	6.128.373.698.135	83,7%
	+ Thu khác ngân sách		5.911.592.602.596	5.911.592.602.596	
	+ Các khoản huy động, đóng góp		216.781.095.539	216.781.095.539	
18	Thu Xổ số kiến thiết	430.000.000.000	291.647.492.997	291.647.492.997	67,8%
19	Chênh lệch thu chi NHNN	3.000.000.000.000	8.542.748.455.933	8.542.748.455.933	284,8%
II	Thu từ dầu thô	1.100.000.000.000	2.899.942.281.005	2.899.942.281.005	263,6%
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	21.900.000.000.000	26.318.680.818.487	26.318.680.818.487	120,2%
1	Thuế xuất khẩu	60.000.000.000	57.544.777.707	57.544.777.707	95,9%
2	Thuế nhập khẩu	3.700.000.000.000	4.640.423.335.565	4.640.423.335.565	125,4%
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	490.000.000.000	1.427.389.977.791	1.427.389.977.791	291,3%
4	Thuế bảo vệ môi trường XNK	10.000.000.000	6.903.993.641	6.903.993.641	69,0%
5	Thuế giá trị gia tăng	17.635.000.000.000	20.059.705.347.619	20.059.705.347.619	113,7%
6	Thu khác	5.000.000.000	126.713.386.164	126.713.386.164	
IV	Thu viện trợ		625.610.080.121	489.681.467.108	
B	Vay của NSNN		1.328.533.350.424	1.328.533.350.424	
C	Thu kết dư NS năm trước		21.031.181.723.310	21.031.181.723.310	
D	Thu chuyển nguồn		111.809.394.337.663	111.809.394.337.663	
E	Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương		6.008.720.054.906	6.008.720.054.906	
F	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính				

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2024 của HĐND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán đầu năm	Số liệu Quyết toán đã phê duyệt theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 8/12/2023	Số liệu Quyết toán đề nghị điều chỉnh
	TỔNG CHI (A+B)	107.832.579.000.000	219.764.506.817.377	219.641.370.033.377
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	106.925.879.000.000	218.948.012.935.560	218.824.876.151.560
I	Chi đầu tư phát triển	51.072.952.000.000	44.367.937.154.651	44.367.937.154.651
1	Chi đầu tư cho các dự án	49.250.302.000.000	41.173.362.665.651	41.173.362.665.651
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		9.749.589.031.457	9.749.589.031.457
-	Chi khoa học và công nghệ			
2	Chi bổ sung vốn cho các Quỹ, vốn ủy thác và một số khoản chi khác	1.000.000.000.000	3.194.574.489.000	3.194.574.489.000
3	Cấp lại tiền thuê đất trả tiền một lần cho các quận, huyện (*)	822.650.000.000		
II	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	510.000.000.000	360.128.044.844	360.128.044.844
III	Chi thường xuyên	53.281.899.000.000	48.177.918.005.840	48.177.918.005.840
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	18.005.084.000.000	16.783.006.434.819	16.783.006.434.819
2	Chi khoa học và công nghệ	721.983.000.000	277.468.866.931	277.468.866.931
IV	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	-		
V	Dự phòng ngân sách	2.050.568.000.000		
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	10.460.000.000	10.460.000.000	10.460.000.000
VII	Chi chuyển nguồn		125.992.969.730.225	125.869.832.946.225
VIII	Chi bổ sung cho cấp dưới			
1	Bổ sung cân đối			
2	Bổ sung có mục tiêu			
IX	Chi hoàn trả ngân sách cấp trên		38.600.000.000	38.600.000.000
B	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	906.700.000.000	816.493.881.817	816.493.881.817

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2024 của HĐND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán đầu năm	Số liệu Quyết toán đã phê duyệt theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 8/12/2023	Số liệu Quyết toán đề nghị điều chỉnh
	TỔNG CHI (A+B)	77.355.252.000.000	131.841.689.402.847	131.718.552.618.847
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	76.448.552.000.000	131.025.195.521.030	130.902.058.737.030
I	Chi đầu tư phát triển	27.156.949.000.000	14.814.601.084.255	14.814.601.084.255
1	Chi đầu tư cho các dự án	25.334.299.000.000	11.620.026.595.255	11.620.026.595.255
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		108.069.986.283	108.069.986.283
-	Chi khoa học và công nghệ			
-	Chi quốc phòng		189.164.396.978	189.164.396.978
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội		150.091.896.212	150.091.896.212
-	Chi y tế, dân số và gia đình		376.209.466.520	376.209.466.520
-	Chi văn hóa thông tin		376.918.082.643	376.918.082.643
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			
-	Chi thể dục thể thao		113.913.947.675	113.913.947.675
-	Chi bảo vệ môi trường		697.624.132.912	697.624.132.912
-	Chi các hoạt động kinh tế		9.128.526.630.789	9.128.526.630.789
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		470.845.421.937	470.845.421.937
-	Chi bảo đảm xã hội		6.948.778.900	6.948.778.900
-	Chi đầu tư khác		1.713.854.406	1.713.854.406
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>			
-	Chi XDCB bằng nguồn vốn trong nước	20.176.398.000.000	9.047.123.935.475	9.047.123.935.475
-	Chi XDCB bằng nguồn vốn ngoài nước	5.157.901.000.000	2.572.902.659.780	2.572.902.659.780
2	Chi bổ sung vốn cho các Quỹ, vốn ủy thác và một số khoản chi khác	1.000.000.000.000	3.194.574.489.000	3.194.574.489.000
3	Cấp lại tiền thuê đất trả tiền một lần cho các quận, huyện (*)	822.650.000.000		
II	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	510.000.000.000	360.128.044.844	360.128.044.844
III	Chi thường xuyên	24.099.153.000.000	18.434.606.862.125	18.434.606.862.125
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.647.479.000.000	2.677.862.291.652	2.677.862.291.652
2	Chi khoa học và công nghệ	721.983.000.000	277.468.866.931	277.468.866.931
3	Chi quốc phòng	652.727.000.000	619.159.017.846	619.159.017.846
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	638.644.000.000	566.925.141.315	566.925.141.315
5	Chi y tế, dân số và gia đình	3.455.007.000.000	2.855.497.151.638	2.855.497.151.638
6	Chi văn hóa thông tin	647.691.000.000	369.544.768.142	369.544.768.142
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	98.276.000.000	81.083.635.529	81.083.635.529
8	Chi thể dục thể thao	895.060.000.000	643.353.108.158	643.353.108.158
9	Chi bảo vệ môi trường	1.064.658.000.000	418.460.478.524	418.460.478.524
10	Chi các hoạt động kinh tế	9.243.979.000.000	7.396.695.095.755	7.396.695.095.755
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1.757.729.000.000	1.443.562.764.845	1.443.562.764.845
12	Chi bảo đảm xã hội	805.412.000.000	814.424.463.504	814.424.463.504
13	Chi thường xuyên khác	470.508.000.000	270.570.078.286	270.570.078.286

STT	Nội dung chi	Dự toán đầu năm	Số liệu Quyết toán đã phê duyệt theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 8/12/2023	Số liệu Quyết toán đề nghị điều chỉnh
IV	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương			
V	Dự phòng ngân sách	1.130.026.000.000		
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	10.460.000.000	10.460.000.000	10.460.000.000
VII	Chi chuyển nguồn		66.575.267.440.808	66.452.130.656.808
VIII	Chi bổ sung cho cấp dưới	23.541.964.000.000	30.791.532.088.998	30.791.532.088.998
1	Bổ sung cân đối	15.549.012.000.000	15.549.012.000.000	15.549.012.000.000
2	Bổ sung có mục tiêu	7.992.952.000.000	15.242.520.088.998	15.242.520.088.998
IX	Chi hoàn trả ngân sách cấp trên		38.600.000.000	38.600.000.000
B	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	906.700.000.000	816.493.881.817	816.493.881.817

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ VÀ CẤP QUẬN HUYỆN THỊ XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2024 của HĐND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán đầu năm			Số liệu Quyết toán đã phê duyệt theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 8/12/2023			Số liệu Quyết toán đề nghị điều chỉnh		
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:	
			NS Thành phố	NSQH (gồm cả NSXP)		NS Thành phố	NSQH (gồm cả NSXP)		NS Thành phố	NSQH (gồm cả NSXP)
	TỔNG CHI (A+B)	107.009.929.000.000	76.532.602.000.000	54.019.291.000.000	219.764.506.817.377	131.841.689.402.847	119.467.859.153.071	219.641.370.033.377	131.718.552.618.847	119.467.859.153.071
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	106.103.229.000.000	75.625.902.000.000	54.019.291.000.000	218.948.012.935.560	131.025.195.521.030	119.467.859.153.071	218.824.876.151.560	130.902.058.737.030	119.467.859.153.071
I	Chi đầu tư phát triển	50.250.302.000.000	26.334.299.000.000	23.916.003.000.000	44.367.937.154.651	14.814.601.084.255	29.553.336.070.396	44.367.937.154.651	14.814.601.084.255	29.553.336.070.396
1	Chi đầu tư cho các dự án	49.250.302.000.000	25.334.299.000.000	23.916.003.000.000	41.173.362.665.651	11.620.026.595.255	29.553.336.070.396	41.173.362.665.651	11.620.026.595.255	29.553.336.070.396
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực									
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				9.749.589.031.457	108.069.986.283	9.641.519.045.174	9.749.589.031.457	108.069.986.283	9.641.519.045.174
-	Chi khoa học và công nghệ									
2	Chi bổ sung vốn cho các Quỹ, vốn ủy thác và một số khoản chi khác	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	-	3.194.574.489.000	3.194.574.489.000		3.194.574.489.000	3.194.574.489.000	
3	Cấp lại tiền thuê đất trả tiền một lần cho các quận, huyện (*)	822.650.000.000	822.650.000.000	-						
II	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	510.000.000.000	510.000.000.000	-	360.128.044.844	360.128.044.844		360.128.044.844	360.128.044.844	
III	Chi thường xuyên	53.281.899.000.000	24.099.153.000.000	29.182.746.000.000	48.177.918.005.840	18.434.606.862.125	29.743.311.143.715	48.177.918.005.840	18.434.606.862.125	29.743.311.143.715
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	18.005.084.000.000	3.647.479.000.000	14.357.605.000.000	16.783.006.434.819	2.677.862.291.652	14.105.144.143.167	16.783.006.434.819	2.677.862.291.652	14.105.144.143.167
2	Chi khoa học và công nghệ	721.983.000.000	721.983.000.000	-	277.468.866.931	277.468.866.931		277.468.866.931	277.468.866.931	
IV	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	-	-	-						
V	Dự phòng ngân sách	2.050.568.000.000	1.130.026.000.000	920.542.000.000						
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	10.460.000.000	10.460.000.000	-	10.460.000.000	10.460.000.000		10.460.000.000	10.460.000.000	
VII	Chi chuyển nguồn				125.992.969.730.225	66.575.267.440.808	59.417.702.289.417	125.869.832.946.225	66.452.130.656.808	59.417.702.289.417
VIII	Chi bổ sung cho cấp dưới		23.541.964.000.000			30.791.532.088.998			30.791.532.088.998	
1	Bổ sung cân đối		15.549.012.000.000			15.549.012.000.000			15.549.012.000.000	
2	Bổ sung có mục tiêu		7.992.952.000.000			15.242.520.088.998			15.242.520.088.998	
IX	Chi hoàn trả ngân sách cấp trên	-			38.600.000.000	38.600.000.000	753.509.649.543	38.600.000.000	38.600.000.000	753.509.649.543
B	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	906.700.000.000	906.700.000.000		816.493.881.817	816.493.881.817		816.493.881.817	816.493.881.817	